TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 21 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1343/2025/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Cù Xuân S, sinh năm 1958; CCCD số 042058005083 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/7/2021; cư trú: Thường trú: 26E, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), Địa chỉ hiện tại: 8B, hẻm B, tổ E, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà Lê Thị K, sinh năm: 1960; CCCD số 038160019876 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021; cư trú: 26E, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cù Xuân S và bà Lê Thị K tự nguyện kết hôn với nhau năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 08/8/1996.

Nay ông Cù Xuân S và bà Lê Thị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 02 con chung là cháu Cù Xuân H, sinh ngày 07/8/1986 và cháu Cù Thùy L, sinh ngày 27/8/1989. Hiện các

con đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông S, bà K phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cù Xuân S và bà Lê Thị K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 02 con chung là cháu Cù Xuân H, sinh ngày 07/8/1986 và cháu Cù Thùy L, sinh ngày 27/8/1989. Hiện các con đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị K và ông Cù Xuân S thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt